

Phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài: nhìn từ các cuộc nghiên cứu

Lương Thị Thu Trang^(*)

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, việc kết hôn với người nước ngoài đã trở thành hiện tượng không còn mới ở nước ta và trở thành một vấn đề được nhiều phương tiện truyền thông đại chúng và dư luận quan tâm. Các nghiên cứu chuyên sâu về hiện tượng này đã chỉ ra được những tác động tích cực mà các cuộc hôn nhân có yếu tố nước ngoài mang lại. Tuy nhiên, khoảng mười năm trở lại đây, báo chí trong và ngoài nước đã liên tục đưa tin về những vụ việc cô dâu Việt Nam ở nước ngoài bị xâm hại nghiêm trọng về nhân phẩm, tinh thần cũng như thân thể. Có những cô dâu Việt bị chồng và gia đình nhà chồng ngoại quốc hành hạ, đánh đập, đối xử tàn nhẫn, bắt làm nô lệ tình dục, v.v... phải bỏ trốn ra sống ngoài vòng pháp luật hoặc trở về Việt Nam trong tình trạng thương tật, tàn tạ. Đau lòng hơn, có người phải bỏ mạng nơi xứ người do bị chồng ngoại quốc sát hại rất thương tâm... Đó là những tác động tiêu cực đáng lo ngại của vấn đề này. Nội dung bài viết góp phần làm rõ thực trạng phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài những năm gần đây, lý giải nguyên nhân và tổng hợp một số giải pháp đề xuất nhằm giảm thiểu rủi ro trong hôn nhân có yếu tố nước ngoài của các cô dâu Việt.

Từ khóa: Phụ nữ Việt Nam, Hôn nhân và gia đình, Hôn nhân có yếu tố nước ngoài, Cô dâu Việt.....

1. Thực trạng phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài

Ở Việt Nam trong những năm qua, các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài đã phát triển đáng kể, trong đó chủ yếu là việc kết hôn giữa phụ nữ Việt Nam với chồng là người nước ngoài.

Theo thống kê của Bộ Tư pháp công bố tại *Hội nghị Phụ nữ người Việt Nam tại nước ngoài* được tổ chức tại Hà Nội

vào tháng 11/2013, từ năm 2008-2010, có gần 300.000 phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài. Nghĩa là trung bình mỗi năm có gần 100.000 phụ nữ Việt Nam lấy chồng nước ngoài, trong đó tập trung nhiều ở Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc (Ngọc Hà, Nguyễn Xoài, 2013). Điều đáng quan tâm là 86,3% trong số đó kết hôn trong khi chưa có việc làm, chủ yếu là ở nhà nội trợ, 2,8% là công nhân, 5% làm thuê. Một khảo sát của Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ cho thấy, “hôn phu” mà

^(*) ThS., Nghiên cứu viên, Viện Thông tin KHXH.

phụ nữ Việt Nam lấy làm chồng là công dân Đài Loan, Hàn Quốc đa số là nông dân, công nhân, người làm thuê, có trình độ thấp (83%), số làm nghề kinh doanh không đáng kể (11%), một số hoàn toàn lệ thuộc vào gia đình chồng (Phạm Bá Nhiều, 2009).

Theo số liệu thống kê của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, từ năm 2006-2009 có khoảng 70.000 phụ nữ tại khu vực miền Tây Nam bộ lấy chồng nước ngoài (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, 2009). Trong топ 5 tỉnh thành có tỷ lệ phụ nữ lấy chồng nước ngoài cao nhất nước thì Đồng bằng sông Cửu Long có đến 3 tỉnh: Đồng Tháp, Bạc Liêu, An Giang. Những năm gần đây, Đồng Tháp có tỷ lệ phụ nữ lấy chồng nước ngoài giảm (năm 2005 có 336 trường hợp, năm 2010 còn 156 trường hợp) (Ngọc Long, 2011).

Từ năm 2005, số lượng cô dâu Việt lấy chồng Đài Loan có xu hướng giảm nhưng số lượng cô dâu Việt lấy chồng Hàn Quốc lại tăng lên nhanh chóng, trong số đó phụ nữ Nam bộ vẫn chiếm số lượng cao tuyệt đối, cao hơn tất cả các khu vực khác. Từ năm 2006 đến nay, số lượng phụ nữ nông thôn ở các tỉnh Tây Nam bộ lấy chồng nước ngoài vẫn tiếp tục tăng, và Hàn Quốc đã thay thế vị trí đứng đầu của Đài Loan. Như vậy từ hàng chục năm nay, mỗi năm có hàng chục đến hàng trăm ngàn các cô gái trẻ ở nông thôn Nam bộ rời bỏ quê hương lấy chồng xa xứ, tạo thành *một xu hướng hôn nhân hướng ngoại rầm rộ chưa từng thấy trong lịch sử Việt Nam và cho đến nay xu hướng này vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại* (Trần Thị Thu Lương, 2012).

Khởi đầu cho “phong trào” lấy chồng nước ngoài là thành phố Hồ Chí

Minh và các tỉnh miền Tây, hiện nay hiện tượng này đã và đang “lây lan” sang một số tỉnh miền núi và ven biển của vùng đồng bằng Bắc bộ như Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hải Phòng. Một số xã của Hải Phòng như Đại Hợp, Lập Lễ, Đoàn Xá, Tú Sơn đã trở thành các ví dụ cho “phong trào” phụ nữ lấy chồng ngoại với bình quân mỗi xã có trên 500 cô dâu lấy chồng Hàn Quốc, Đài Loan. Theo khảo sát quốc gia năm 2010 của Chính phủ Hàn Quốc với 130.000 hộ gia đình, số phụ nữ Việt Nam lấy chồng Hàn Quốc chiếm tỷ lệ 18,4%, đứng thứ ba trong số các cặp vợ chồng ngoại, tương đương với 30.799 người. Con số này trên thực tế sẽ cao hơn vì có khá nhiều phụ nữ Việt Nam di cư hôn nhân bất hợp pháp (Vũ Hoa, 2012). Điển hình là tại Quảng Ninh, tình trạng phụ nữ lấy chồng nước ngoài (chủ yếu là Hàn Quốc) đang tăng mạnh, năm 2005 có 126 trường hợp nhưng năm 2010 đã tăng lên 786 trường hợp, trong đó rất ít trường hợp đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp mà chủ yếu theo chồng về Hàn Quốc làm thủ tục kết hôn, sau đó về Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam xin giấy chứng nhận rồi đến Sở Tư pháp làm thủ tục ghi chú kết hôn. Chính vì vậy, những rủi ro của người phụ nữ lấy chồng nước ngoài trong trường hợp này rất cao bởi họ không được tư vấn trước khi kết hôn (Ngọc Long, <http://baophapluat.vn...>).

2. Nguyên nhân phụ nữ Việt Nam lấy chồng nước ngoài

Mỗi người phụ nữ Việt Nam khi kết hôn với người nước ngoài đều có những lý do riêng. Theo nghiên cứu của các chuyên gia xã hội học, nguyên nhân chính của hiện tượng lấy chồng ngoại quốc của các cô dâu Việt Nam có thể quy vào một số nhóm chính sau đây:

Kỳ vọng cải thiện kinh tế gia đình

Cuộc điều tra “*Tìm hiểu thực trạng phụ nữ kết hôn với người Đài Loan tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long*” (năm 2004) của Trần Thị Kim Xuyên cho thấy, nguyên nhân chính chi phối các quyết định kết hôn với người nước ngoài của các cô gái Việt Nam là kinh tế (Trần Thị Kim Xuyên, 2005).

Tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long, những gia đình có con gái kết hôn với người nước ngoài đa phần là những gia đình có trình độ học vấn thấp, không có trình độ chuyên môn, chủ yếu làm nghề nông, thiếu đất, phải đi làm thuê (giai đoạn này các cô gái ở đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu kết hôn với người Đài Loan). Một số hộ làm nghề dịch vụ, buôn bán nhỏ nhưng thu nhập không ổn định, thậm chí không đủ trang trải cuộc sống. Nhiều gia đình tuy có cuộc sống khá hơn nhưng cũng chỉ đủ ăn. Mỗi khi gặp sự cố từ thiên tai hoặc gia đình có người bệnh nặng, họ lại lâm vào hoàn cảnh khó khăn hơn. Thực tế cũng cho thấy, cho con gái lấy chồng nước ngoài là việc làm mang lại hiệu quả kinh tế rất nhanh chóng. Do vậy, nhiều gia đình ở đồng bằng sông Cửu Long kỳ vọng vào việc lấy chồng nước ngoài của con gái.

Cuộc nghiên cứu về “*Hiện tượng phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài Loan*” được thực hiện năm 2004 cũng đưa ra kết luận: yếu tố kinh tế là lý do lớn nhất khiến một người phụ nữ quyết định lấy chồng nước ngoài. Trả lời câu hỏi tại sao các cô gái lấy chồng người nước ngoài, 78,94% cho rằng do cuộc sống bản thân và gia đình gặp khó khăn; 65,5% do thất nghiệp không có việc làm; 62,56% do cần tiền để giải quyết khó khăn đột xuất; chỉ có 47,1% là cho rằng các cô

thích lấy chồng ngoại. Như vậy phần lớn các cô gái lấy chồng nước ngoài do hoàn cảnh kinh tế khó khăn (Phan An, Phan Quang Thịnh, Nguyễn Quới, 2005).

Khẳng định thêm nhận định yếu tố kinh tế là nguyên nhân chính trong đa số các quyết định lấy chồng ngoại của các cô dâu Việt Nam, kết quả khảo sát của đề tài “*Thực trạng phụ nữ Việt Nam lấy chồng Hàn Quốc (Nghiên cứu trường hợp xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng)*” năm 2009 cho thấy, 53% cha mẹ có con gái lấy chồng Hàn Quốc nói rằng con họ có gửi tiền về cho gia đình, trong đó 8% gửi tiền thường xuyên, 75% thỉnh thoảng, và chỉ có 17% số cha mẹ được hỏi trả lời rằng con gái họ hiếm khi gửi tiền về nhà. Người dân địa phương này cho rằng, hầu hết các gia đình có con lấy chồng Hàn Quốc đều khá giả, giàu có.

Ngoài ra, cũng có sự phân biệt đáng kể về mức sống của những hộ gia đình có con lấy chồng nước ngoài với những hộ khác. Mức sống của người dân ở địa phương này có thể chia thành 3 loại: giàu, trung bình và nghèo. Hộ giàu chi tiêu hàng tháng hết 5 triệu, hộ trung bình 2,5 triệu và hộ nghèo 1 triệu. Trong những hộ giàu thì đa phần là những gia đình được con gái lấy chồng nước ngoài (chiếm 80%) gửi tiền về giúp đỡ (Hoàng Bá Thịnh, 2010).

Như vậy không phải ngẫu nhiên mà mọi câu trả lời cho nguyên nhân kết hôn với người nước ngoài của các cô gái đều nhấn mạnh vào yếu tố kinh tế. Không ít người đã vội vàng đánh giá rằng các gia đình này và những cô con gái của họ vì ham tiền mà không để ý đến những hậu quả khác. Tuy nhiên, để tìm hiểu thấu đáo vấn đề, cần phải phân tích kỹ hơn các nguyên nhân khác nữa.

Thái độ chấp nhận của cộng đồng

Cuộc nghiên cứu *Nguyên nhân phụ nữ đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người Đài Loan* (năm 2004) cho thấy, hiện tượng kết hôn với người nước ngoài của các cô dâu Việt còn do một nguyên nhân khác là thái độ chấp nhận của cộng đồng. Mặc dù còn có nhiều ý kiến không đồng tình nhưng đa số người dân trong cộng đồng không phản đối hiện tượng kết hôn với người nước ngoài. Người dân trong cộng đồng thường thông cảm cho các gia đình khó khăn và đồng tình với sự báo hiếu cho cha mẹ của các cô gái này (Trần Thị Kim Xuyên, 2005). Họ cho rằng cha mẹ là người có công sinh thành, nuôi dưỡng và con cái phải có nghĩa vụ giúp đỡ cha mẹ, làm được điều đó mới được coi là người con có hiếu. Báo hiếu không chỉ được thể hiện bằng sự chăm sóc tinh thần mà cả bằng vật chất, và việc lấy chồng nước ngoài như là một giải pháp cho vấn đề này. Trong trường hợp này, thái độ của cộng đồng mang ý nghĩa nhóm, gia đình được đề cao, còn yếu tố cá nhân chỉ ở vị trí thứ yếu.

Sự gặp nhau giữa nhu cầu và khả năng đáp ứng

Với quan niệm báo hiếu cho cha mẹ vẫn được đề cao ở nhiều địa phương, các cô gái đều muốn người chồng tương lai có thể đảm bảo điều kiện vật chất cho cả gia đình, để cuộc sống bản thân được tốt hơn... Tuy nhiên, thanh niên trong cộng đồng nơi họ đang sinh sống không thể đáp ứng được các điều kiện này. Trong khi đó, các chàng trai nước ngoài (Đài Loan, Hàn Quốc...) lại gặp hoàn cảnh tương tự ở nước họ. Những người đàn ông có mức thu nhập trung bình và vị thế xã hội thấp cũng không thể đáp ứng được tiêu chuẩn của các cô gái có trình

độ và có nghề nghiệp ổn định, do mức sống ở đất nước của họ cao. Nghiên cứu năm 2004 của Trần Thị Kim Xuyên chỉ ra rằng, những người đàn ông Đài Loan khi còn trẻ thường tập trung cho sự nghiệp và tích lũy tài chính. Nhiều người khi nhận ra đã đến lúc cần lấy vợ thì tuổi đã lớn, họ không thể lấy được người vợ như mong muốn. Những người có vị thế thấp lại càng khó khăn hơn. Trong khi đó những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau đã cho họ một cơ hội mới - lấy vợ Việt Nam. Chính vì vậy, họ đã thử vận may bằng hình thức du lịch tự do hoặc thông qua các công ty môi giới. Đồng thời, các tiêu chuẩn về người vợ của đàn ông Đài Loan cũng thường phù hợp với các cô gái Việt Nam. Các cô gái Việt Nam trong hình dung của họ là những người phụ nữ cần cù, chịu khó, thương chồng, hiếu thảo với cha mẹ và biết chịu đựng. Có thể nói cô dâu Việt Nam với chú rể Đài Loan nói riêng và các quốc gia khác nói chung, gặp nhau trong hôn nhân đều có mục đích của mình. Mặc dù tình cảm lứa đôi, sự đam mê trong tình yêu không nhiều, nhưng cả hai bên tham gia kết hôn vẫn đến với nhau bằng tình nghĩa vợ chồng. Cuộc nghiên cứu của Trần Thị Kim Xuyên cũng cho thấy, đa phần cuộc sống vợ chồng trong hôn nhân quốc tế này theo quan điểm của họ là tốt đẹp. Các cô dâu, chú rể hài lòng với quyết định của mình (Trần Thị Kim Xuyên, 2005).

Kết hôn vì tình yêu

Mặc dù lý do kinh tế là nguyên nhân chính khiến đa số các cô gái Việt Nam quyết định lấy chồng nước ngoài, nhưng trong số này vẫn có những cuộc hôn nhân xuất phát từ tình yêu. Tại *Hội nghị Toàn quốc về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài* được tổ chức ở Cần Thơ cuối năm 2011, theo Viện Khoa học

Lao động - Xã hội: năm 2011, có khoảng 7% trong số 130.000 phụ nữ lấy chồng nước ngoài xuất phát từ tình yêu (Xem: Ngọc Long, <http://baophapluat.vn/>...). Mặc dù con số này tương đối thấp nhưng nó cũng nói lên rằng, một bộ phận nhỏ những người lấy chồng nước ngoài đã may mắn tìm được hạnh phúc của họ, và kết hôn trên cơ sở tình cảm, tình yêu đích thực. Các cô gái lấy chồng nước ngoài cũng nhận thức được rằng hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu, nếu hôn nhân không xuất phát từ tình cảm thì không thể hạnh phúc. Tuy nhiên các tiêu chuẩn mà họ đưa ra thường mang tính lý tưởng hơn là thực tế.

Dù xã hội vẫn còn tồn tại những cái nhìn không mấy thiện cảm về những người phụ nữ lấy chồng nước ngoài, nhưng cũng không thể phủ nhận được vai trò của họ trong việc truyền bá văn hóa Việt Nam ra cộng đồng quốc tế qua những câu chuyện trao đổi với cư dân bản địa, những món ăn đậm chất Việt Nam. Và họ cũng là một phần quan trọng trong việc đóng góp cho dòng kiều hối gửi về quê nhà. Họ xứng đáng được xã hội nhìn nhận công bằng và trọng thị hơn.

3. Một số biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro trong hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Khó khăn lớn nhất của các cô dâu Việt Nam khi kết hôn với người nước ngoài đó là sự khác biệt quá lớn về văn hoá, tập quán, ngôn ngữ. Khi những khác biệt này là nguyên nhân xảy ra các mâu thuẫn, thì người phụ nữ, ở đây là các cô dâu Việt Nam, chịu thiệt thòi nhất. Họ gần như không có đường lùi, chỉ có một cách duy nhất và bắt buộc là phải hòa nhập với chồng, gia đình và xã hội nhà chồng ở nước ngoài. Nhân cách cá nhân của mỗi người được hình thành

trong một quá trình dài, khi phải thay đổi đột ngột và buộc phải gia nhập vào một môi trường mới hoàn toàn là điều rất khó khăn. Các cô gái Việt Nam với xuất phát điểm thấp, đa số ở các vùng nông thôn, trình độ học vấn thấp, sự hiểu biết xã hội hạn hẹp và trong hoàn cảnh ngôn ngữ gần như khác biệt hoàn toàn, khi bước chân vào cuộc hôn nhân không (hoặc rất ít) tình cảm, tình yêu, không hiểu biết về văn hóa, ngôn ngữ bản địa sẽ vấp phải rất nhiều khó khăn, rủi ro chờ chực. Các cô dâu Việt Nam phải chấp nhận sống lệ thuộc hoàn toàn vào người chồng. Một khi đã lệ thuộc kinh tế sẽ kéo theo nhiều lệ thuộc khác. Và khi người chồng biết rằng họ đối xử như thế nào thì người vợ cũng phải lệ thuộc vào họ thì khó có sự đối xử bình đẳng. Những vụ việc cô dâu Việt bị bạo hành, thậm chí bị sát hại ở xứ người là một trong những hệ lụy tiêu cực từ các nguyên nhân trên. Vì thế, không thể bỏ mặc họ đi làm dâu xứ người với hai bàn tay trắng, chỉ với ước mơ đổi đời. Theo chúng tôi, cần chuẩn bị cho họ hành trang thật tốt để đi làm dâu xứ người bằng một số biện pháp như:

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các đoàn thể, tổ chức xã hội: Vấn đề phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài hiện nay cần được cộng đồng, xã hội và các đoàn thể quan tâm một cách đúng mực để có thể giúp đỡ các cô dâu Việt Nam một cách tốt nhất. Ví dụ như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam - tổ chức chính trị xã hội của Phụ nữ - nên quan tâm sâu sát hơn đến các thành viên của Hội Kết hôn với người nước ngoài. Tổng cục Thống kê cần thống kê các số liệu cụ thể về những trường hợp kết hôn với người nước ngoài, Bộ Tư pháp cần phân tích sâu các số liệu này, Tòa án tối cao thống kê tỷ lệ ly hôn với

người nước ngoài và cần có những phân tích về nguyên nhân của vụ việc... Qua đó vấn đề hôn nhân có yếu tố nước ngoài của phụ nữ Việt Nam sẽ được tiếp cận một cách đa chiều để được điều chỉnh và có những chính sách thiết thực bảo vệ cho những người phụ nữ Việt Nam trong các cuộc hôn nhân với người nước ngoài.

Tăng cường vai trò của gia đình: Giáo dục văn hóa, nếp sống và quy tắc ứng xử của mỗi gia đình là rất quan trọng, không chỉ với việc hình thành nhân cách của con người mà còn trang bị cho mỗi người sự hiểu biết, bản lĩnh sống, khả năng thích ứng trước những biến động, rủi ro của cuộc đời. Đặc biệt các cô gái lấy chồng ngoại quốc cần được giáo dục cách sống để hòa nhập được văn hóa, môi trường nơi họ sẽ đến, sẽ lấy chồng nhằm tránh và giảm thiểu những rủi ro mà họ có thể gặp phải.

Thông tin về thực trạng đời sống hôn nhân của những cô dâu Việt Nam ở nước ngoài: Cần cung cấp cho các cô gái Việt Nam và cha mẹ của họ về thực trạng đời sống của các cô gái kết hôn với người nước ngoài để gia đình và chính bản thân họ có suy nghĩ chín chắn trước khi quyết định, tránh việc thiếu thông tin hoặc nhận thông tin sai lệch (qua môi giới) khiến cho không ít người vỡ mộng và nuối tiếc vì quyết định sai lầm của mình. Cần cung cấp cho các cô gái những thông tin đầy đủ và chính xác về người chồng tương lai, về gia cảnh người chồng, về địa phương mà họ sẽ đến sinh sống với vai trò người vợ, người con dâu, điều đó sẽ góp phần giúp các cô gái Việt và gia đình họ cân nhắc trước khi quyết định lấy chồng nước nào, ở đâu cho phù hợp.

Cần đào tạo, dạy các kỹ năng về

làm vợ, làm dâu ở nước ngoài cho các cô dâu Việt Nam: Các cô gái Việt Nam cần biết luật pháp, phong tục, tập quán của các vùng, miền của nước mà họ sẽ đến làm dâu. Họ cần nhận thức được những khác biệt về văn hoá, ngôn ngữ, suy nghĩ và cần được trang bị các kỹ năng nội trợ, sử dụng các đồ dùng trong gia đình, biết nấu các món ăn ở nơi mà họ sẽ đến làm dâu. Điều này là yếu tố khá quan trọng để đảm bảo hôn nhân bền vững ở xứ người.

Chuẩn bị tốt về ngôn ngữ: Điều này có thể coi là một trong những yếu tố quan trọng nhất để các cô dâu Việt có thể sống tốt nơi xứ người. Sẽ khó có thể làm tốt vai trò làm vợ, làm dâu ở nước ngoài khi họ không thể giao tiếp, diễn đạt ý nghĩ, mong muốn... của mình do không hiểu ngôn ngữ. Vì thế, các cô gái trước khi kết hôn cần phải học ngôn ngữ của quốc gia mà họ có ý định lấy chồng. Dù chưa thể nói thành thạo ngay nhưng ít ra họ cũng cần biết giao tiếp tối thiểu, có thể gọi tên các đồ vật, phương tiện sinh hoạt trong gia đình, v.v... Đây là tiền đề cho các cô gái Việt Nam dần vượt qua được rào cản ngôn ngữ, hòa nhập vào cuộc sống gia đình ở nước ngoài.

Bên cạnh đó, không chỉ ở Việt Nam (là nước đại diện cho các “cô dâu”) mà cả ở những nước đại diện cho các “chú rể” cũng cần có sự tác động, điều chỉnh của chính sách và dư luận xã hội đối với những quan niệm lệch lạc về hạnh phúc con người nói chung, về phụ nữ Việt Nam nói riêng (Hoàng Bá Thịnh, 2006).

Kết luận

Có thể nhận thấy, không phải mọi cuộc hôn nhân giữa phụ nữ Việt Nam với chồng ngoại kiều đều được trải thảm toàn hoa hồng, nhưng cũng không phải

tất cả các cuộc hôn nhân này đều xây dựng trên nước mắt. Mặc dù còn rất nhiều vấn đề bất cập, nhưng không thể phủ nhận nguồn tiền các cô dâu Việt Nam gửi về cho gia đình đã phần nào làm thay đổi diện mạo kinh tế gia đình họ nói riêng, kinh tế vùng, miền, đất nước nói chung.

Việt Nam là quốc gia vẫn còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng trọng nam khinh nữ, điều này đã dẫn đến hiện tượng mất cân bằng giới tính ở trẻ em Việt Nam hiện nay. Trong bối cảnh hôn nhân quốc tế, ở những nơi phụ nữ ồ ạt lấy chồng nước ngoài đã xuất hiện một nhận thức khác: tư tưởng trọng nam không còn ảnh hưởng mạnh như trước, nếu không nói là đang có một sự “chuyển đổi” về giá trị, người ta ngày càng coi trọng giá trị của những người con gái. Bởi lẽ, các cô gái lấy chồng nước ngoài đem lại sự thay đổi cuộc sống cho gia đình, còn những gia đình có nhiều con trai thì lại lo không lấy được vợ. Các cô gái lấy chồng nước ngoài đã gửi tiền về cho gia đình, khiến cho quan niệm chữ hiếu ở các địa phương này cũng mang đậm màu sắc kinh tế.

Một khi thị trường hôn nhân địa phương trở nên khó khăn do sự khan hiếm nữ giới trong độ tuổi kết hôn, thì nam giới phải tìm kiếm bạn đời ở nơi khác. Đây là quy luật tất yếu trong hôn nhân và gia đình, nhất là với văn hoá Việt Nam, đặc biệt là ở các vùng nông thôn người dân còn chưa quen với cách lựa chọn lối sống độc thân.

Hôn nhân có yếu tố nước ngoài trong bối cảnh đô thị hoá, công nghiệp hoá và hội nhập quốc tế là một xu thế tất yếu, diễn ra dưới tác động của nhiều yếu tố kinh tế, văn hoá, xã hội cũng như sự biến đổi quan niệm, giá trị, chuẩn

mục truyền thống về hôn nhân và gia đình. Trong sự phát triển tiến bộ của xã hội, tự do kết hôn đã trở thành một giá trị cơ bản của quyền con người. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường và xu hướng toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ, đời sống hôn nhân và gia đình Việt Nam đang đứng trước nguy cơ phát sinh những hiện tượng hôn nhân không bình thường, lợi dụng quyền tự do kết hôn nhằm hướng đến các quan hệ lợi ích. Hiện tượng kết hôn giữa phụ nữ Việt Nam với người nước ngoài trong nhiều trường hợp không xuất phát từ tình yêu và những mục đích tiến bộ chính là ví dụ điển hình về sự tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường đối với quan hệ hôn nhân. Đây thực sự là một vấn đề xã hội phức tạp cần sự quan tâm của dư luận xã hội cũng như các cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời cũng đặt ra những vấn đề cần xem xét, giải quyết từ góc độ tư pháp quốc tế □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan An, Phan Quang Thịnh, Nguyễn Quới (2005), *Hiện tượng phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài Loan: Tài liệu tham khảo*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
2. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Việt Nam (2009), *Báo cáo tại Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2009 của Ban chỉ đạo Miền Tây Nam bộ về tình hình xuất khẩu lao động và lấy chồng nước ngoài*, <http://baodientu.chinhphu.vn>
3. Ngọc Hà, Nguyễn Xoài (2013), *Mỗi năm, 100.000 phụ nữ Việt Nam lấy chồng nước ngoài*, [http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/20131120/moi-nam-100000-phu-hoi](http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/20131120/moi-nam-100000-phu-hoi/20131120/moi-nam-100000-phu-hoi)

- nu-vn-lay-chong-nuoc-ngoai/581136.html
4. Vũ Hoa (2012), *Lấy chồng nước ngoài và những hệ lụy đau lòng*, <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Xa-hoi/567455/lay-chong-nuoc-ngoai-va-nhung-he-luy-dau-long>
 5. Ngọc Long, *Chỉ 7% cuộc hôn nhân với người nước ngoài vì yêu*, <http://baophapluat.vn/Utilities/PrintView.aspx?distributionid=145886>
 6. Trần Thị Thu Lương (2012), “Một số vấn đề xã hội và văn hóa trong việc xây dựng nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long nhìn từ hiện tượng phụ nữ nông thôn lấy chồng nước ngoài”, *Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ*, tập 15, số 2.
 7. Phạm Bá Nhiều (2009), “Ngăn ngừa triệt để nạn môi giới hôn nhân trái pháp luật với người nước ngoài phải bắt đầu từ đâu?”, *Tạp chí Mặt trận*, số 66 (4/2009).
 8. Hoàng Bá Thịnh (2006), “Dư luận xã hội về hôn nhân có yếu tố nước ngoài”, *Tạp san Khoa học xã hội và nhân văn*, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, số 36.
 9. Hoàng Bá Thịnh (2010), “Đặc điểm và xu hướng thị trường hôn nhân ở xã Đại Hợp, Kiến Thụy, Hải Phòng”, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, quyển 20, số 4.
 10. Trần Thị Kim Xuyên (2005), “Nguyên nhân phụ nữ đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người Đài Loan (Nghiên cứu tại Cần Thơ, Tiền Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, An Giang và Vĩnh Long)”, *Tạp chí Xã hội học*, số 1 (69).

(Tiếp theo trang 60)

“Truyện Kiều” của Việt Nam đã vượt ra ngoài biên giới đến với độc giả nhiều nước trên thế giới. Tính đến nay, đã có trên 30 bản dịch tác phẩm này ra khoảng 20 thứ tiếng nước ngoài, trong đó có 13 bản tiếng Pháp, 10 bản Hán văn và Trung văn, các bản dịch tiếng Nga, Anh, Nhật, Đức, Tiệp, Hungary, Romania, Hàn Quốc...

Trong năm 2015, Hội Kiều học Việt Nam có một nhiệm vụ lớn cần phải thực hiện, đó là xác định được một bản “Truyện Kiều” đạt được sự đồng thuận cao bởi Kiều sống trong đời sống nhân

dân nhưng văn bản Kiều đòi hỏi phải có sự chuẩn xác theo yêu cầu của khoa học. Nguyên bản của “Truyện Kiều” không có, lại trải qua nhiều đời. Hiện tại, vẫn chưa có bản Kiều nào thống nhất. Trong 3.254 câu Kiều, có khoảng 1.000 từ có dị bản khác nhau gây tranh cãi. Muốn tìm được sự đồng thuận cao không phải là việc dễ dàng.

Hội thảo chính là bước khởi động cho chuỗi các sự kiện hướng tới kỷ niệm 250 năm ngày sinh của Nguyễn Du được tổ chức tại Hà Nội, Hà Tĩnh, Bắc Ninh, Nghệ An, Thái Bình, Đồng Nai.

HÀ LINH